

Cập nhật ngày: 20.09.2026 05:42:02

Xếp hạng sau ván 5

Hạng	Số	Đội	Ván cờ	+	=	-	HS1	HS2	HS3
1	8	INDORA	5	4	1	0	9	0	14,5
2	13	LAMABAGOAN	5	3	2	0	8	0	15,5
3	4	DEHRA	5	3	2	0	8	0	12,5
4	7	FATEHPUR	5	3	1	1	7	0	13,5
5	5	DHARMSHALA	5	3	1	1	7	0	12,5
6	17	PALAMPUR	5	3	1	1	7	0	11,5
7	3	DADA SHIBA	5	3	0	2	6	0	11,5
8	11	KHUNDIAN	5	2	2	1	6	0	11
9	2	BHAVARNA	5	2	2	1	6	0	10,5
10	16	NURPUR	5	2	1	2	5	0	11
11	1	BAIJNATH	5	2	1	2	5	0	10
12	9	JAWALI	5	1	3	1	5	0	8,5
13	15	NAGROTA SURIAN	5	2	0	3	4	0	10
	20	RAJA KA TALAB	5	2	0	3	4	0	10
15	21	RAKKAR	5	1	2	2	4	0	9,5
16	6	DHEERA	5	2	0	3	4	0	9,5
17	22	THURAL	5	2	0	3	4	0	9
18	23	CHADHIYAR	3	1	0	2	4	0	6,5
19	18	PANCHRUKHI	4	0	2	2	4	0	5
20	10	KANGRA	5	0	3	2	3	0	8
21	12	KOTLA	4	0	1	3	3	0	2
22	19	RAIT	4	0	1	3	3	0	2
23	14	NAGROTA BAGWAN	5	0	2	3	2	0	6

Ghi chú

Hệ số phụ 1: Matchpoints (2 for wins, 1 for Draws, 0 for Losses)

Hệ số phụ 2: Extended Direct Encounter for teams (EDE) (Matchpoints)

Hệ số phụ 3: points (game-points)

Tìm tất cả chi tiết giải đấu này theo <https://chess-results.com/tnr1500872.aspx?lan=29>

Máy chủ Chess-Tournaments-Results: Chess-Results